

ĐẠI GIỚI ĐÀN PHÁP LOA 2017

LƯU Ý:

Những nội dung được trình bày dưới đây chỉ là tài liệu tham khảo. Giới tử phải tự nghiên cứu và học thêm để có câu trả lời chính xác của riêng của mình

PHẦN THI DÀNH CHO GIỚI TỬ THỨC XOA-MA-NA NI

NỘI DUNG

SƠ LƯỢC VỀ THIỀN SƯ PHÁP LOA	2
A. THI KHẢO HẠCH	4
I. GIÁO LÝ CĂN BẢN.....	4
II. KINH.....	5
III. LUẬT.....	7
IV. LỊCH SỬ.....	9
B. TỤNG LUẬT (tụng 2 cuốn đầu của Luật Trường hàng)	10
C. THI TỰ LUẬN (khi thi viết sẽ phát đề).....	10

SƠ LƯỢC VỀ THIỀN SƯ PHÁP LOA TRONG PHẬT GIÁO ĐỜI TRẦN

Vào TK thứ 13 ở Việt Nam, vua Trần Nhân Tông, một bậc minh quân tài đức vẹn toàn, uyên thâm Phật pháp, đã tu hành đạt đạo, hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Ngài là sáng Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với Tông chỉ “phản quan tự kỷ bốn phần sự bất tung tha đắc” và một bản sắc riêng của dòng thiền Trúc Lâm nước Việt là: Thiền-Giáo song hành.

Phật giáo đời Trần đã trở thành quốc giáo vì một tinh thần Trúc Lâm phóng khoáng, tự tại viên dung, luôn khế hợp với lòng người và đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử của nước nhà,...Đến thập niên 70 của TK 20, HT Thiền sư Thích Thanh Từ bấy giờ dốc lòng dụng tâm tu tập, sáng lại nguồn tâm, đã dày công gây dựng lại Tông phong Trúc Lâm và nối truyền mạng mạch Yên Tử cho đến ngày nay.

Như vậy, sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một ông vua Phật, đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài đã truyền Tổ vị cho Thiền sư Pháp Loa, và kế thừa Pháp vị là tam Tổ Huyền Quang.

Thiền sư Pháp Loa sinh năm 1284 tại Lưỡng Giang (Hải Dương), thế danh là Đồng Kiên Cương, xuất gia với Hương Vân Đại Đầu Đà, pháp danh là Thiệu Lai. Đến khi Ngài tu hành đắc lực, sáng được bản tâm, sơ Tổ Trúc Lâm ban cho đạo hiệu là Pháp Loa- ấy nghĩa là hàng phục ma chướng, vãn tập đại chúng,...và hữu duyên rộng truyền chánh pháp. Đến năm 1330, Tổ sư Pháp Loa đã an nhiên thị tịch. Tuy trụ thế 47 năm, nhưng Tổ đã để lại cho nền Phật giáo nước nhà cả một sự nghiệp vô cùng lớn lao:

- Phụng chiếu khắc bản gỗ ấn bản Đại Tạng kinh đầu tiên ở Việt Nam vào thời Trần (1319), tái bản năm 1329. Khắc bản gỗ ấn bản “Tứ phần luật” năm 1322. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Lần đầu tiên ở Việt Nam, văn phòng Trung Ương Giáo hội Phật giáo (chùa Vĩnh Nghiêm ở Lưỡng Giang) đã lưu trữ hồ sơ quản lý tự viện, định chức và cấp sổ bộ cho Tăng ni. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Cùng các công trình văn hóa, kiến trúc, v.v... Ngài đã để lại nhiều tác phẩm Thiền học có tầm vóc như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, v.v... và những hành trạng Tổ sư còn được lưu truyền.

Tất cả những thành quả trên đã đưa Phật giáo thời Trần đến một đỉnh cao mới. Trên con đường Bồ-tát đạo, Ngài đã phát nguyện: “...chư Phật và Bồ-tát có những công

hạnh nào, con nguyện thiết tha cầu học và làm theo. Dù chúng sanh có khen chê, khinh trọng, dù bố thí hay xâm đoạt, khi mắt thấy tai nghe cũng đều xin cứu độ, khiến cho tất cả đều tiến lên nấc thang giác ngộ, v.v...” (Tam Tổ Thực Lục)

Phương pháp nhiếp tâm (Tịnh giới) của Tổ sư Pháp Loa là: ... trong hai mươi bốn giờ, ngoài dứt các duyên, trong tâm không dấy động. Tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì cảnh khởi phân biệt, thức không vì pháp trần mà dính mắc. Ra vào không giao thiệp gọi là ngăn dừng. Tuy gọi ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng. Nên biết tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là giới Đại thừa, gọi là giới Vô thượng, cũng gọi là giới Vô đẳng đẳng. Tịnh giới này dù Tiểu tăng cho đến Đại tăng đều nên phải gìn giữ. (Tam Tổ Thực Lục - HT. Thiền sư Thích Thanh Từ dịch)

Trước lúc viên tịch, Tổ viết kệ:

*Muôn duyên cắt đứt một thân nhàn,
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tràng,
Nhấn bảo mọi người thôi chớ hỏi,
Bên kia trăng gió rộng thênh thang.*

(Thanh Từ Toàn Tập, tập 27)

 Lưu ý:

- Giám khảo sẽ hỏi thêm về Thiền sư Pháp Loa trong bài “SƠ LƯỢC ...” trên.
- Trong ba môn (Thi Khảo Hạch, Thi Tụng Luật, Thi TỰ Luận), điểm của mỗi môn cao nhất là 20, tổng điểm của ba môn từ 30 trở lên thì đạt yêu cầu.

A. THI KHẢO HẠCH

Giới tử thi khảo hạch 4 môn: 1. Giáo lý căn bản; 2. Kinh; 3. Luật; 4. Lịch sử. Mỗi môn có 5 câu hỏi, giám khảo chỉ hỏi 1 câu, mỗi câu cao nhất được 5 điểm.

Phần đáp án chỉ mang tính gợi ý, giới tử cần tham khảo thêm để câu trả lời được phong phú và đầy đủ hơn.

I. GIÁO LÝ CĂN BẢN

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Tứ diệu đế là gì? Hãy kể tên.

Trả lời

- Tứ diệu đế là 4 chân lý chắc thật của thế gian và xuất thế gian, 4 sự thật đó là: 1. Khổ đế; 2. Tập đế; 3. Diệt đế; 4. Đạo đế.

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Trình bày về Khổ đế và Tập đế.

Trả lời

- Khổ đế gồm có: Tam khổ và Bát khổ. Tam khổ là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Bát khổ là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ.
- Tập đế là tập tục, thói quen tạo thành nghiệp ác, là nguyên nhân đưa đến sự đau khổ mà nguồn gốc chính của nó là tham, sân, si.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Diệt đế là gì? Đạo đế là gì?

Trả lời

- Diệt đế là chân lý chắc thật, dứt trừ mọi phiền não khổ đau, là Niết-bàn thanh tịnh, an vui giải thoát.
- Đạo đế là phương pháp tu hành đưa đến sự giác ngộ giải thoát.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Hãy kể tên 37 phẩm trợ đạo trong Đạo đế. Thất giác chi là gì? Hãy kể tên.

Trả lời

- Trong Đạo để có 37 phẩm trợ đạo là: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát chánh đạo phần.
- Thất giác chi còn gọi là Thất Bồ-đề phần, là 7 pháp tu tập giúp người tu hành thành tựu đạo quả, gồm có: 1- Trạch pháp giác chi, 2- Tinh tấn giác chi, 3- Hỷ giác chi, 4- Khinh an giác chi, 5- Xả giác chi, 6- Định giác chi, 7- Niệm giác chi.

5. Câu hỏi 5(5 điểm)

- Thập Nhị Nhân Duyên là gì? Tu pháp gì đắc quả Duyên Giác?

Trả lời

- Thập Nhị Nhân Duyên là 12 nhân duyên trói buộc chúng sanh trong sanh tử luân hồi, gồm có: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.
- Tu pháp hoàn diệt 12 nhân duyên để diệt trừ căn bản vô minh và chi mạng vô minh, chứng quả Duyên Giác.

II. KINH

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Hãy đọc bài kệ Phổ Hiền trong Sám hối Hồng Danh?

Trả lời

*Sở hữu thập phương thế giới trung,
Tam thế nhất thiết hơn Sư tử,
Ngã dĩ thanh tịnh thân ngữ ý,
Nhứt thiết biến lễ tận vô dư,
Phổ Hiền hạnh nguyện oai thần lực,
Phổ hiện nhứt thiết Như Lai tiên,
Nhứt thân phụng hiện sát trần thân.
Nhứt thiết biến lễ sát trần Phật...*

2. Câu hỏi 2(5 điểm)

- Tứ y pháp là gì? Hãy kê tên.

Trả lời

- Tứ y là 4 phương pháp thực tập sự nương tựa (y cứ) dẫn đến giác ngộ giải thoát, đó là:

1. Y pháp bất ynhân, 2. Y nghĩa bất y ngữ,
3. Y trí bất y thức, 4. Y liễu nghĩa kinhbất ybất liễu nghĩa kinh.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Hãy dịch nghĩa bài kệ:

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỷ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,
Nhất thiết vô hữu nhưPhật giả.

Trả lời

*Trên trời dưới đất không ai bằng Phật,
Mười phương thế giới cũng không sánh kịp,
Toàn thể thế gian con nhìn thấy,
Tất cả không ai sánh ngang Phật.*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Hãy đọc 12 câu nguyện của đức Quan Thế Âm trong phẩm Phổ Môn?

Trả lời

Nam-mô hiệu Viên Thông danh tự tại Quan Âm Như Lai quảng phát hoàng thệ nguyện.

Nam-mô nhất niệm tâm vô quái ngại, Quan Âm Như Lai thường cư Nam hải nguyện.

Nam-mô trụ Ta-bà u minh giới, Quan Âm Như Lai tâm thính cứu khổ nguyện.

Nam-mô hàng tà ma, trừ yêu quái, Quan Âm Như Lai năng trừ nguy hiểm nguyện.

Nam-mô thanh tịnh bình thùi dương liễu, Quan Âm Như Lai cam lồ sái tâm nguyện.

Nam-mô Đại từ bi năng hỷ xả, Quan Âm Như Lai thường hành bình đẳng nguyện.

Nam-mô trú dạ tuần vô tổn hoại, Quan Âm Như Lai thệ diệt Tam đồ nguyện.

Nam-mô vọng nam nham cần lễ bái, Quan Âm Như Lai già tòa giải thoát nguyện.

Nam-mô tạo pháp thuyền du khổ hải, Quan Âm Như Lai độ tận chúng sanh nguyện.

Nam-mô tiên Tràng phan hậu Bảo cái, Quan Âm Như Lai tiếp dẫn Tây phương nguyện.

Nam-mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh giới, Quan Âm Như Lai Di-đà thọ ký nguyện.

Nam-mô đóaan nghiêm thân vô tỷ tái, Quan Âm Như Lai quả tu thập nhị nguyện.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Hãy tụng bài kệ Tứ hoằng thệ nguyện

Trả lời

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đóaan.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đóaan vô thượng thệ nguyện thành.

III. LUẬT

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Sa-di có mấy đức? Hãy kể tên.

Trả lời

- Sa-di có 5 đức:
 - *Phát tâm xuất gia vì cảm bội Phật pháp.*
 - *Hủy bỏ hình đệp vì thích ứng pháp y.*
 - *Cắt ái từ thân vì không còn thân sơ.*
 - *Xả bỏ thân mạng vì tôn sùng Phật pháp.*
 - *Chí cầu Đại thừa vì hoá độ chúng sanh.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Sa-di có mấy giới? Hãy kể ra.

Trả lời

- Sa-di có 10 giới: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cướp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không mang vòng hoa hay xông ướp hương thơm, 7. Không nằm giường cao, rộng lớn, 8. Không ca

múa, hát xướng và tự đi xem nghe, 9. Không ăn phi thời, 10. Không nắm giữ vàng bạc, châu báu.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Oai nghi của Sa-di Ni có bao nhiêu thiên? Hãy kể tên.

Trả lời

- *Sa Di Ni có 22 thiên Oai Nghi là: 1. Kính Tam bảo; 2. Kính Đại Sa-môn; 3. Thờ thầy; 4. Theo thầy ra đi; 5. Nhập chúng; 6. Theo chúng thọ thực; 7. Lễ bái; 8. Tập học kinh điển; 9. Nghe pháp; 10. Vào tự viện; 11. Theo chúng vào thiền đường; 12. Làm công tác; 13. Vào nhà tắm; 14. Vào nhà xí; 15. Nằm ngủ; 16. Vây quanh bếp lò; 17. Ở trong phòng; 18. Đến nhà Đàn-việt; 19. Khất thực; 20. Vào xóm làng; 21. Mua đồ; 22. Không được tự ý làm.*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Tỳ-ni có bao nhiêu bài kệ? Hãy đọc một trong những bài kệ Tỳ-ni.

Trả lời

- *Tỳ-ni có 51 bài kệ.*

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Kể tên 10 giới của Sa-di Ni. Giới nào thuộc về tánh, giới nào thuộc về tướng? Giới nào thuộc giới trọng, giới nào thuộc giới khinh?

Trả lời

- *Trong 10 giới của Sa-di Ni là: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cướp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không mang vòng hoa hay xông ướp hương thơm, 7. Không nằm giường cao, rộng lớn, 8. Không ca múa, hát xướng và tự đi xem nghe, 9. ăn phi thời, 10. Không nắm giữ vàng bạc, châu báu.*
- *Bốn giới đầu thuộc về tánh giới (giới trọng), 6 giới sau thuộc về tướng giới (giới khinh).*

IV. LỊCH SỬ

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Vị đệ tử nào được truyền giới Sa-di đầu tiên? Hòa thượng Đản đầu là ai?

Trả lời

- *Vị đệ tử được truyền giới đầu tiên là Sa-diLa-hâu-la.*
- *Hòa thượng Đản đầu là ngài Xá-lợi-phát.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Vị Tổ bên Ni giới là ai? Tên gọi khác là gì?

Trả lời

- *Vị Tổ bên Ni giới là bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề.*
- *Còn gọi là Kiều-đàm-di mẫu, Tỳ-kheo Ni Đại Ái Đạo, Phật mẫu Gotama.*

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Kinh Phật được kết tập thành bao nhiêu thể loại? Hãy kể tên.

Trả lời

- *Kinh Phật được kết tập thành 12 thể loại: 1-Trường hàng, 2-Trùng tụng, 3-Cô khởi, 4- Thí dụ, 5- Nhân duyên, 6- Tỳ thuyết, 7- Bản sanh, 8- Bản sự, 9- Vị tăng hữu, 10- Phương quảng, 11- Luận nghị, 12- Kỳ biệt.*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Sau khi thành đạo, đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên ở đâu? Nói pháp gì? Và thuyết cho ai nghe? Lần cuối cùng đức Phật thuyết pháp gì? Ở đâu?

Trả lời

- *Sau khi thành đạo, đức Phật đến vườn Lộc-uyển, ở xứ Ba-la-nại, lần đầu tiên thuyết pháp Tứ-diệu-đế độ 5 anh em Kiều-trần-như.*
- *Lần cuối cùng, tại rừng Sa-la thành Câu-thi-na, đức Phật nhắc lại giáo lý Tứ-diệu-đế cho hàng đệ tử, giáo huấn về sự vô thường của thế giới và con người.*

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Khi sắp nhập Niết-bàn, đức Phật giảng kinh gì? Tại đâu?

Trả lời

Khi sắp nhập Niết-bàn, đức Phật giảng kinh Di Giáo tại rừng Sa-la (Song Thọ), trong Thành Câu-thi-na.

B. TỤNG LUẬT(tụng 2 cuốn đầu của Luật Trường hàng)

C. THI TỰ LUẬN(khi thi viết sẽ phát đề)